

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**H.CHÂU THÀNH-TIỀN GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 786 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/ 9 /2022

V/v tranh chấp: “ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hiếu**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tạ Công Minh**  
Ông **Huỳnh Văn Phó**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đàm Thị Ngọc Ánh**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Nguyễn Thị Thu Thảo-Kiểm sát viên**

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2022 về tranh chấp: “ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã NB, CT, Tiền Giang.

\* Bị đơn: Phạm Văn S, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã NB, CT, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn chị Đ trình bày: chị và anh S kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn thì chị và anh S sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có hai con chung, Phạm Quốc K, sinh năm 2011 và Phạm Thành P, sinh năm 2019. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được nuôi cháu P, đồng ý giao cháu K cho anh S nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

\* Bị đơn anh S đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa, không có ý kiến, yêu cầu gì.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Từ khi thụ lý vụ kiện và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy

định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định vắng mặt khi Tòa án triệu tập.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: chị Đ yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con.

Xét thấy, chị Đ và anh S kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn nên theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Đ trình bày, trong quá trình chung sống thì chị và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh S nhiều lần để hòa giải nhưng anh S không đến, qua đó cũng thể hiện ý chí của anh S là không muốn hàn gắn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh S đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: xét thấy, theo chị Đ trình bày hiện nay cháu P đang sống với chị Đ còn cháu K đang sống với anh S. Do đó, nhằm để ổn định cuộc sống của hai cháu nên cần giao cháu P cho chị Đ nuôi dưỡng và giao cháu K cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** 1/ Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Phạm Văn S.

2/ Về con chung: giao cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 03/9/2011 cho anh S nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Thành P, sinh ngày 13/10/2019 cho chị Đ nuôi dưỡng.

3/ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu.

4/ Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

5/ Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Đ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020807 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành xem như đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\* Nơi nhận:**

- VKSND h.Châu Thành;
- THADS h.Châu Thành;
- UBND xã Nhị Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**đã ký**

**Võ Ngọc Hiếu**